

| TT | Họ và Tên           | Kiểm nhiệm                          | Phân công chuyên môn                                                                                | Số tiết |
|----|---------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Hoàng Ánh Tuyết     |                                     | TC Văn7B3 (2t)                                                                                      |         |
| 2  | Nguyễn Thế Anh      |                                     | TD K6,8,9 (20t)                                                                                     | 20      |
| 3  | Nguyễn Thị Chín     |                                     | TA 9D3 (3t) + TA K8 (12t) + GD CD K7 (3t) + BDHSG(3t)                                               | 21      |
| 4  | Chu Thị Hồng Giang  | CN 7B3(4t)                          | Sinh 8C1(2t) + Sinh 7B3(2t) + Sinh K9 (6t) + KHTN 6A1,2 (8) + NGLL 7B3 (0,5t) + BDHSG(3t)           | 25,5    |
| 5  | Nguyễn Thu Hiền     | CN 6A1(4t)                          | TA K6 (9t) + TA 7B3(3t) + Trải nghiệm HN 6A1 (3t) + GD CD 8C4 (1t)                                  | 20      |
| 6  | Bùi Thị Hương       | CN 9D1(4t)<br>TTCM(3t)              | Sử K6 (6t) + Sử 8C1,4 (4t) + Sử K9(3t) + BDHSG(3t) + NGLL9D1 (0,5t)                                 | 23,5    |
| 7  | Nguyễn Thị Thu Liễu | CN 8C3(4t)<br>TPCM (1t)             | Văn 8C3,4(8t) + Văn 9D1(5t) + NGLL8C3 (0,5t) + GD CD 8C3 (1t)                                       | 19,5    |
| 8  | Trần Thị Thu Phương | CN 8C1(4t)                          | Toán 8C1,2 (8t) + Toán 6A1 (4t) + TC Toán 9D1,3(4t) + NGLL8C1(0,5t)                                 | 20,5    |
| 9  | Nguyễn Thị Thuý     |                                     | Văn K7(12t) + Sử 8C2,3 (4t) + Địa K7(6t)                                                            | 22      |
| 10 | Phạm Thị Bích Thủy  | CN 8C4(4t)<br>TPCM (1t)             | Hóa K9(6t) + Hóa K8(8t) + KHTN 6A3 (4t) + BDHSG(3t)                                                 | 26      |
| 11 | Vũ Thị Thanh Hoan   | CN 6A3(4t)<br>TTND(2t)              | Toán 6A3(4t) + Lý K8 (4t) + Công nghệ K6 (3t) + Trải nghiệm HN 6A3 (3t) + NGLL8C4(0,5t)             | 20,5    |
| 12 | Nguyễn T Bích Ngọc  |                                     | Địa K6(3t) + Địa K8 (4t) + Địa 9D3(2t) + Sinh 7B1,2 (4t) + Sinh 8C2,3,4 (6t) + BDHSG(3t)            | 22      |
| 13 | Đoàn Duy Thành      | VCTD                                | Lý 9D2(2t)                                                                                          |         |
| 14 | Đỗ Mai Hoa          | CN 9D2(4t)                          | Toán 9D2(4t) + Toán 8C3(4t) + C. Nghệ K9(3t) + TC Toán 8C3 (2t) + TC Toán 9D2 (2t) + NGLL9D2 (0,5t) | 19,5    |
| 15 | Vũ Thị Thu Phương   | TPT (9t)                            | Nhạc K6,7,8 (10t)                                                                                   | 19      |
| 16 | Bùi Quốc Hùng       | QL Loa máy (1t)                     | Họa K6,7,8 (10t) + Nhạc K9(3t) + TD K7(6t)                                                          | 20      |
| 17 | Nguyễn Văn Hiếu     |                                     | Lý K7 (3t) + C.Nghệ K8 (8t) + Tin 6 (3t) + C.Nghệ K7(3t) + HDKHK (2t)                               | 19      |
| 18 | Lương Thu Trang     | CN 7B2 (4)                          | Toán 7B2,3(8t) + Lý 9D1,3(4t) + NGLL 7B2(0,5t) + BDHSG(3t)                                          | 19,5    |
| 19 | Nguyễn Thị Hiền     | CN6A2 (4t)                          | Toán 6A2 (4) + Toán 7B1(4) + Trải nghiệm HN 6A2(3t) + TC Toán 8C1,2,4 (6t)                          | 21      |
| 20 | Nguyễn Thị Ngát     | CN 8C2(4t)<br>CTCĐ(3t)              | Văn 8C2 (4t) + Văn 9D3 (5t) + NGLL8C2 (0,5t) + BDHSG(3t) + GD CD 8C2 (1t) + Địa 9D1,2 (4t)          | 24,5    |
| 21 | Phạm Quỳnh Anh      | TKHĐ(2t)                            | Văn 6A2,3 (8t) + GD CD K9 (3t) + GD CD K6 (3t) + BDHSG(3t) + TT truyền thông (2t)                   | 21      |
| 22 | Chu Thị Lan Phương  | CN 9D3(4)<br>TTCM (3t)<br>CNhỏ (3t) | Toán 9D1,3 (8t) + Toán 8C4 (4t) + BDHSG(3t) + NGLL9D3 (0,5t)                                        | 25,5    |
| 23 | Vũ Thị Ngọc Mai     | CN 7B1(4t)                          | TA 9D1,2(4t) + TA7B1,2(6t) + TC Anh 7B1,2(4t) + NGLL7B1 (0,5t) + GD CD 8C1 (1t)                     | 19,5    |
| 24 | Nguyễn Thị Liên     |                                     | Sử K7(6t) + Văn 6A1(4t) + Văn 8C1 (4t) + Văn 9D2 (5t)                                               | 19      |
| 25 | Nguyễn Hồng Lam     | VCTD                                | GD Hướng nghiệp K9                                                                                  |         |
| 26 | Đỗ Thị Vân          |                                     | Nghỉ thai sản                                                                                       |         |

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Ánh Tuyết**